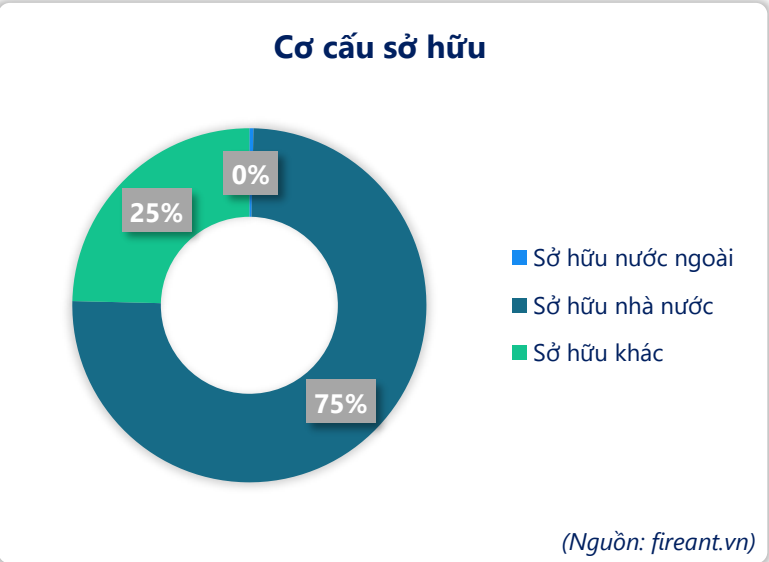
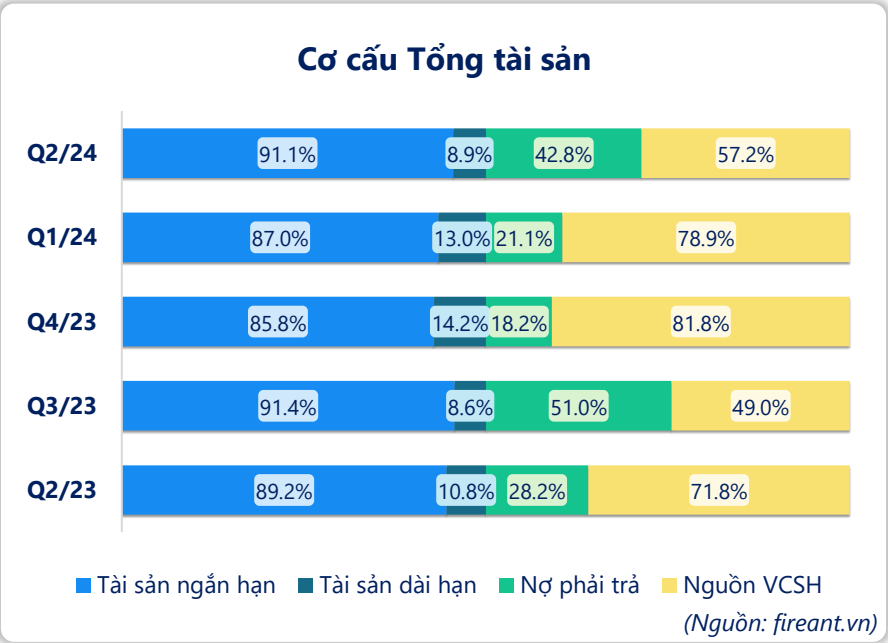
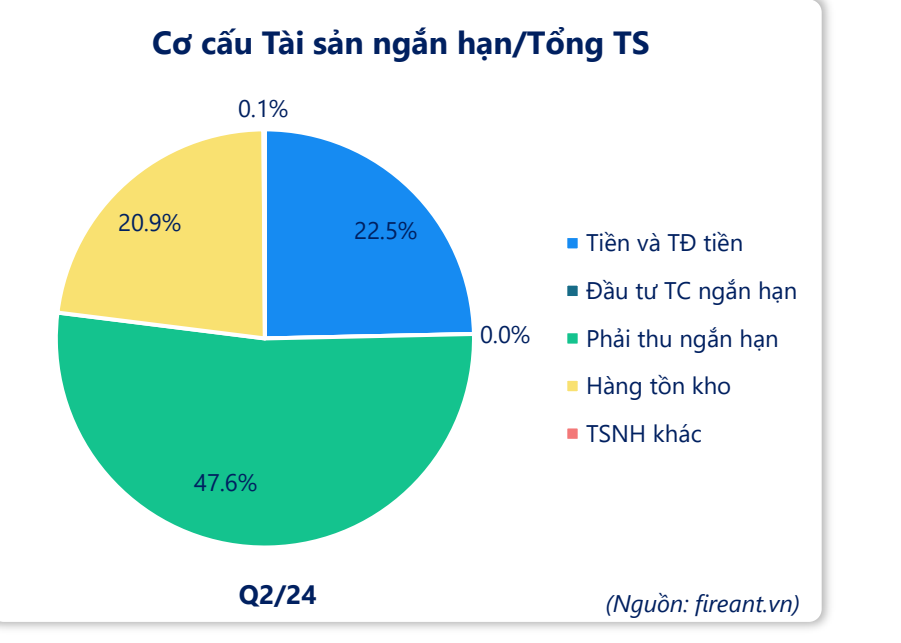
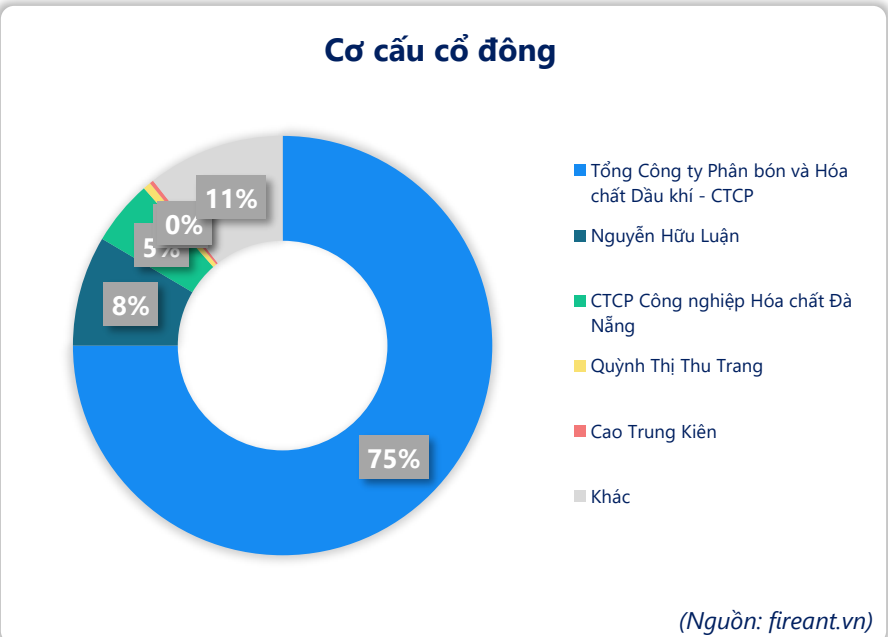
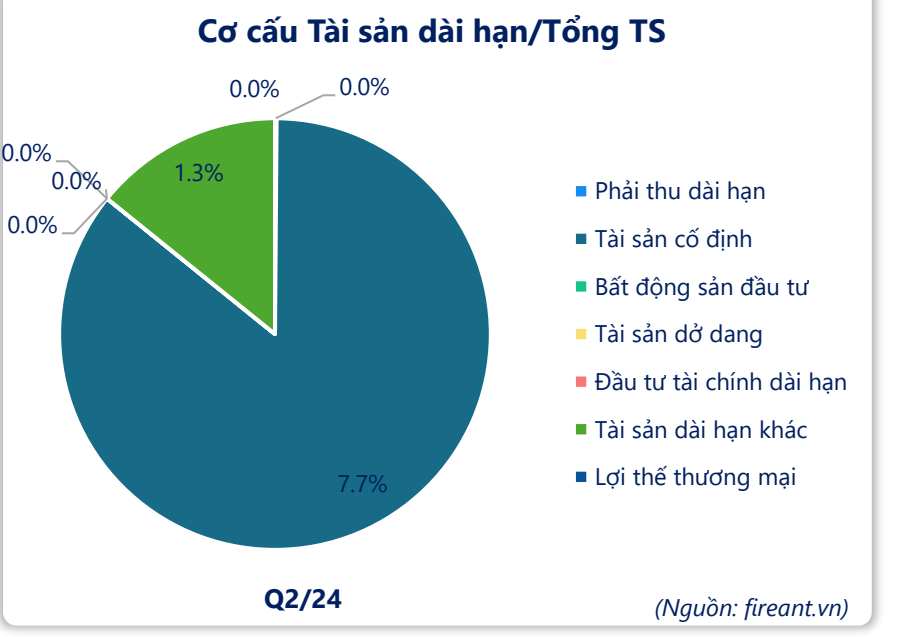
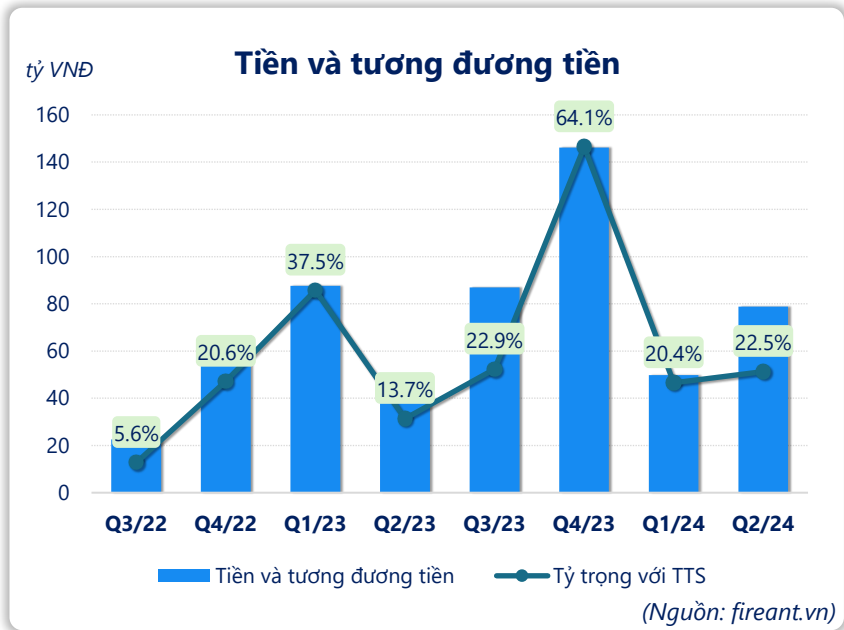
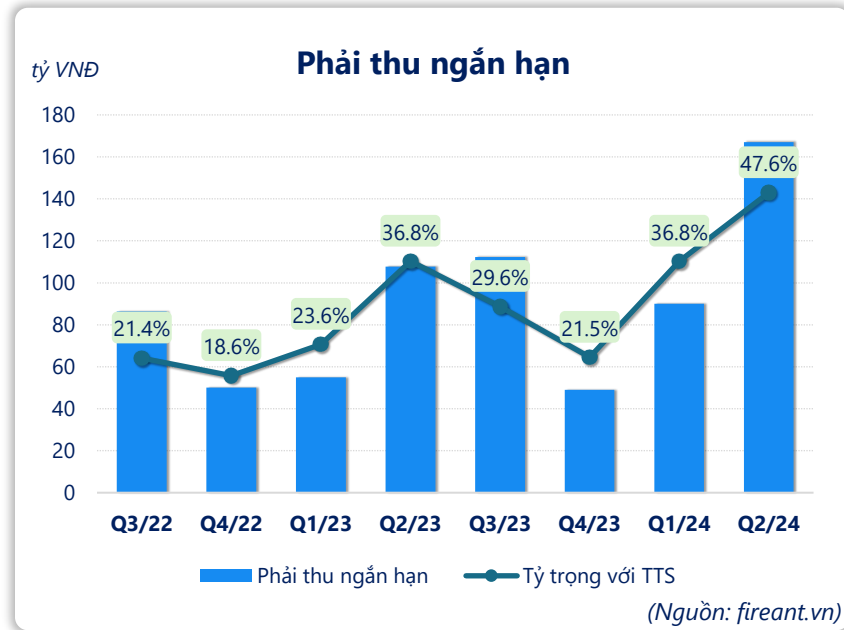
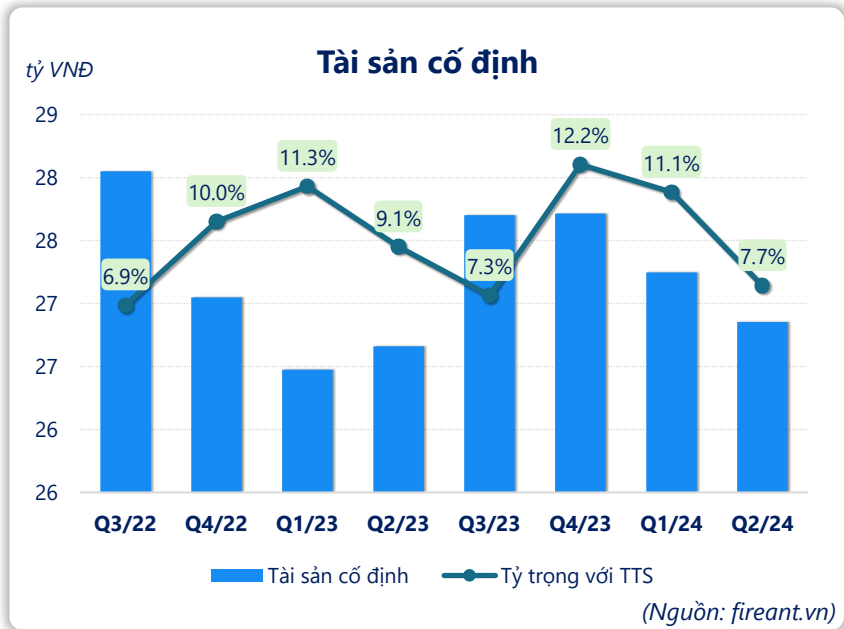
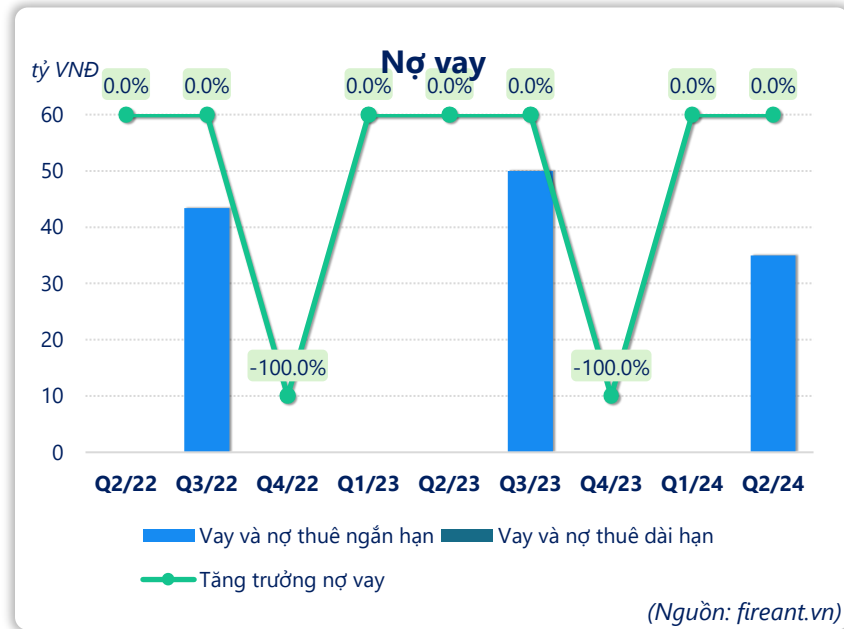
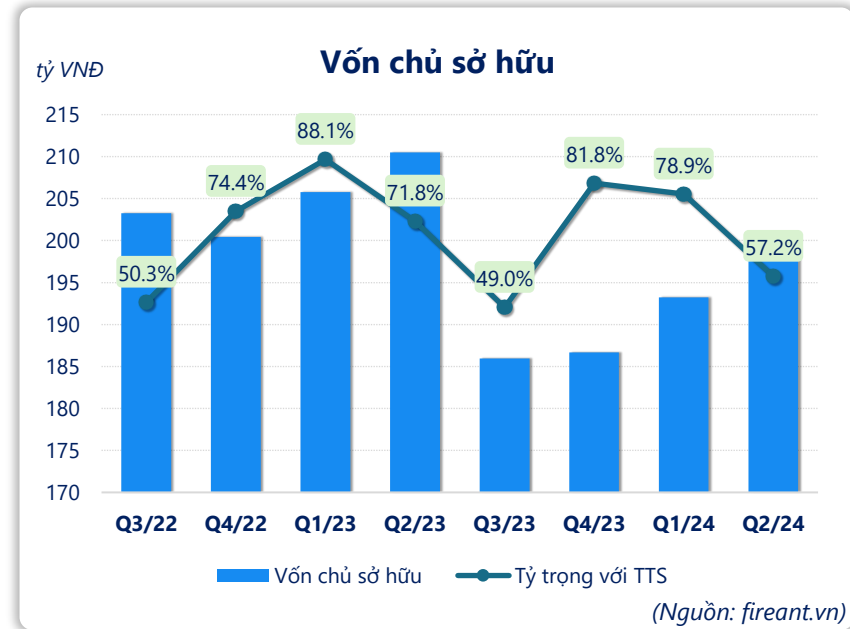
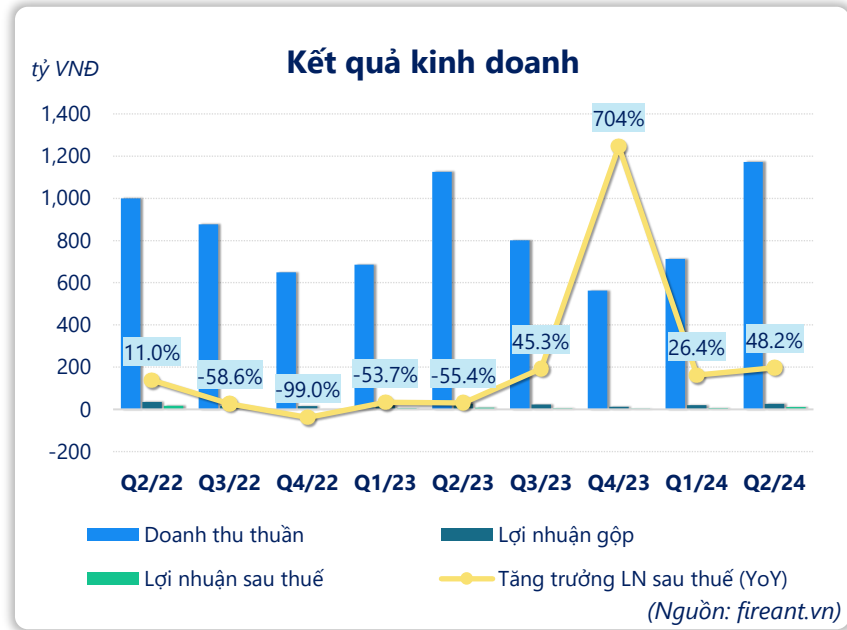
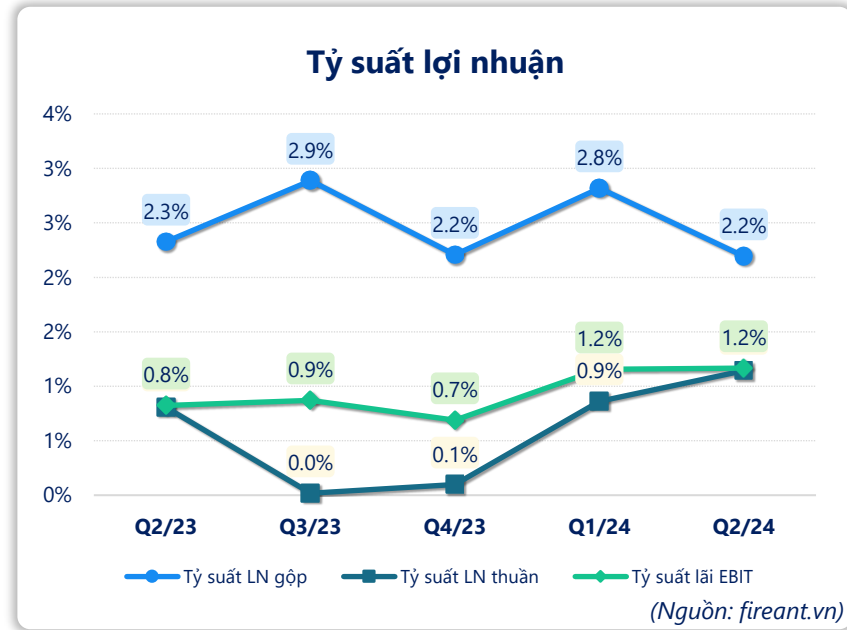
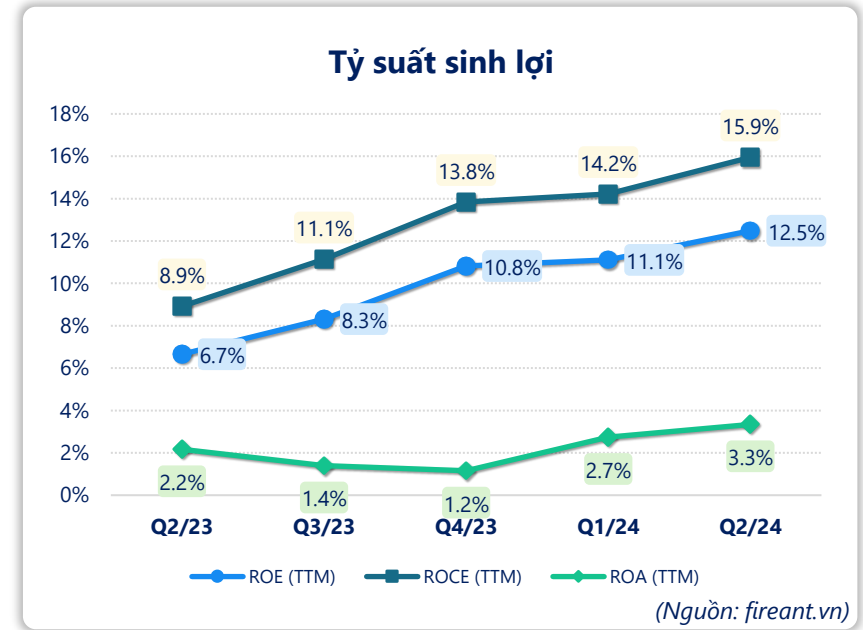
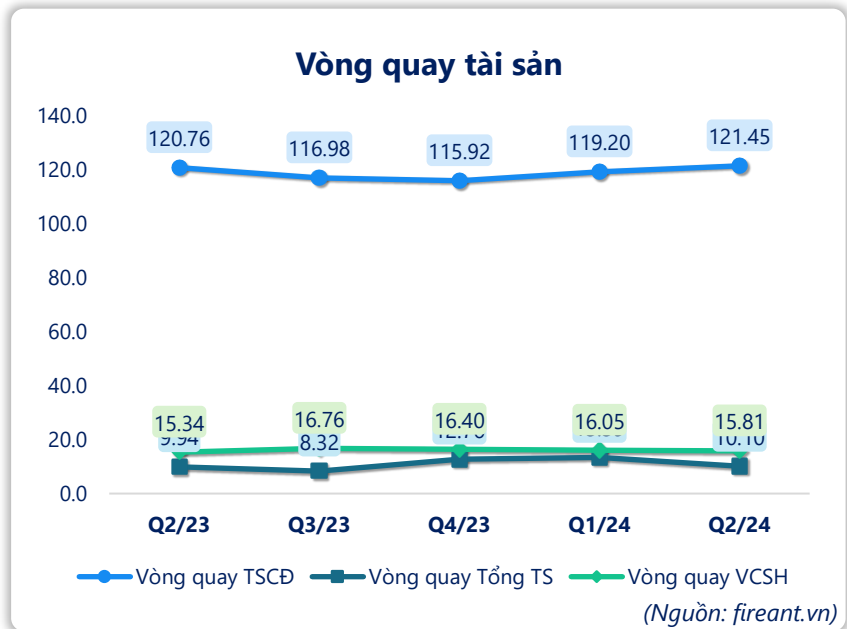
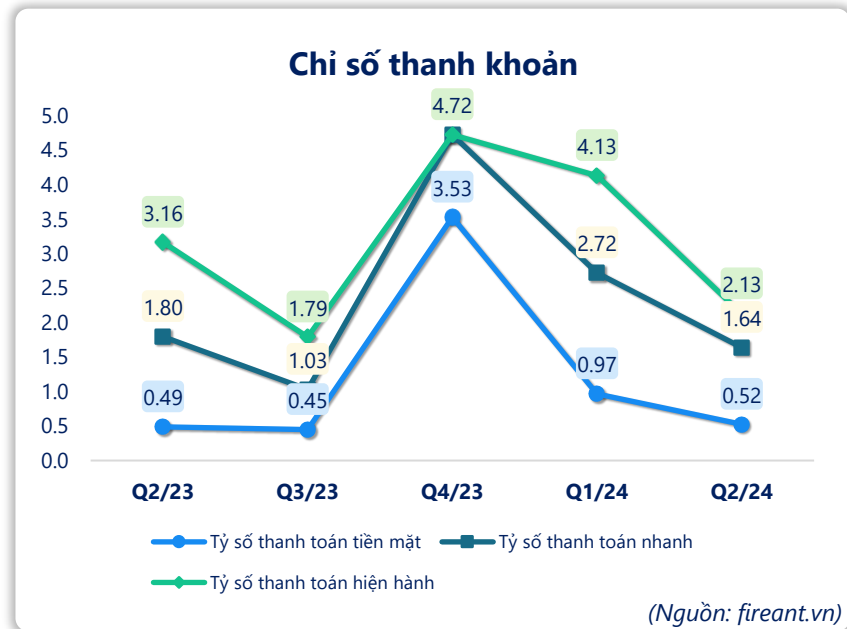
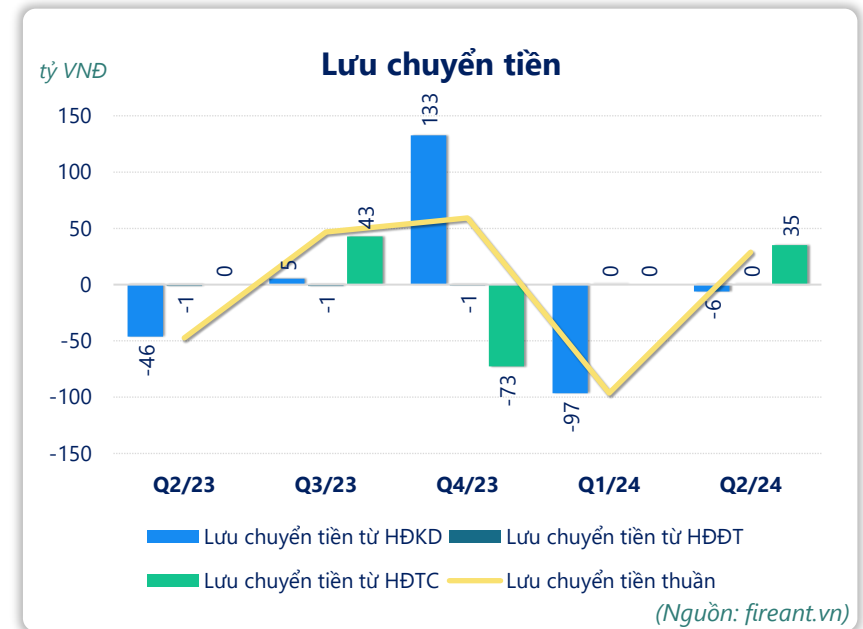


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		19,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,600
SL cổ phiếu LH		10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,000
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		196
P/E		7.6
EPS		2,566

	YTD	1T	3T	6T
PCE	-0.5%	1.0%	2.1%	-1.0%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	351	228	53.7%
Tài sản ngắn hạn	319	196	63.1%
Tiền và tương đương tiền	78.7	146	-46.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	167	49.0	241%
Hàng tồn kho	73.1	0.00	1719418%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.50	-26.1%
Tài sản dài hạn	31.3	32.4	-3.3%
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	26.9	27.7	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.45	4.65	-4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	150	41.4	262%
Nợ ngắn hạn	150	41.4	262%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.68	4.89	-24.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	201	187	7.4%
Vốn chủ sở hữu	201	187	7.4%
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	1,125	801	562	713	1,173
Giá vốn hàng bán	1,099	778	550	693	1,147
Lợi nhuận gộp	26.2	23.1	12.4	20.1	25.7
Doanh thu HĐTC	0.40	0.29	0.27	0.25	0.08
Chi phí TC	0.20	0.14	0.07	0	0.24
Chi phí lãi vay	0.20	0.14	0.07	0	0.24
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.3	16.2	7.32	9.15	7.24
Chi phí QLDN	5.06	6.92	4.74	5.04	4.92
LN thuần từ HĐKD	9.07	0.15	0.55	6.15	13.4
Lợi nhuận khác	0	6.70	3.25	2.09	0.04
LN trước thuế	9.07	6.84	3.80	8.24	13.4
Lợi nhuận sau thuế	7.26	5.47	2.87	6.56	10.8
LNST của CĐ cty mẹ	7.26	5.47	2.87	6.56	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-46.1	5.18	133	-96.6	-6.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.23	-1.20	-0.78	0.25	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	42.7	-72.7	0	35.0
Tiền đầu kỳ	87.6	40.3	86.9	146	49.8
Lưu chuyển tiền thuần	-47.3	46.6	59.2	-96.3	28.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	40.3	86.9	146	49.8	78.7

(Nguồn: fireant.vn)